TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT ĐÀ NẴNG
PHÒNG ĐT&BĐCLGD

THỜI KHÓA BIỂU TOÀN TRƯỜNG HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 - 2026

Từ tuần 44 (Từ ngày 01/6/2026 đến ngày 07/6/2026)

LỚP	THỨ 2					THỨ 3					THỨ 4					THỨ 5					THỨ 6					THỨ 7					
	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10
19HLTT1 (BD)		Triết học B201		TTCS2		Triết học B201 Học tiết 1-KT											Tâm lý ĐC B102		TTCS2		Thi Điền kinh 2			TTCS2						
19HLTT2 (BD)									TTCS2		Thi Điền kinh 2								TTCS2					TTCS2						
19HLTT3 (BD)	TTCS2			Tiếng Anh tổng quát A102					TTCS2							TTCS2			Tiếng Anh tổng quát A102 Học tiết 7-KT											
19HLTT4 (BD)	Triết học B201					TTCS2	Triết học B201				TTCS2	Tâm lý ĐC B102				Triết học B201 Học tiết 1 -KT					TTCS2									
19HLTT5 (BD)				TTCS2															TTCS2					TTCS2						
19HLTT6 (BD)				TTCS2					TTCS2												TTCS2									
19HLTT7 (BD)	TTCS2	Tiếng Anh tổng quát A103 Học tiết 3-KT				TTCS2	Tâm lý ĐC B102					Triết học B201 Học tiết 3 -KT				TTCS2															
19HLTT8 (BC)	TTCS2								TTCS2										TTCS2											
19HLTT9 BC		Tiếng Anh tổng quát A102 Học tiết 3-KT				TTCS2										TTCS2						TTCS2		Thi Điền kinh 2						
19HLTT10 BC				TTCS2			Triết học B201-KT									Tâm lý ĐC B102	TTCS2							TTCS1						
19HLTT11 BC			TTCS2	Tiếng Anh tổng quát A103							TTCS2	Tiếng Anh tổng quát A103 Học tiết 3-KT									TTCS2									
19HLTT12 BC		TTCS2							TTCS2															TTCS2						
19HLTT13 BC+BR						Triết học B101 Học tiết 1-KT	TTCS2					TTCS2						TTCS2			Tâm lý ĐC B102									
19HLTT14 CL		TTCS2										TTCS2					TTCS2													
19HLTT15 CL		TTCS2										TTCS2						TTCS2												
19HLTT16 VO	TTCS2			Triết học B201		Tâm lý ĐC B102			TTCS2								Triết học B201					Triết học B201 KT		TTCS2						
19HLTT17 VO+BB	TTCS2								TTCS2															TTCS2						
19HLTT18 ĐK	TTCS2										TTCS2					TTCS2								TTCS2						
19HLTT19 ĐK+KHVD	TTCS3					TTCS3			Tiếng Anh tổng quát A104 Học tiết 7-KT		Triết học B201 Học tiết 1-KT					TTCS3						Tâm lý ĐC B102		TTCS3							
19HLTT20 BƠI			TTCS2			TTCS2										TTCS2			Thi Điền kinh 2										
19HLTT21 BƠI+PIC			TTCS3			TTCS2		Triết học B202			Tâm lý ĐC B202							Triết học B202			TTCS2-Bơi	TTCS2-Pic	Triết học B202 Học tiết 5-KT						
19HLTT22 TD	TTCS2															TTCS2					TTCS2									
19QLTDTT1						Thi Tiếng Anh TQ C301											Thi Vệ sinh TDTT C301													
19QLTDTT2																														
19QLTDTT3						Thi Tiếng Anh TQ C202											Thi Vệ sinh TDTT C202													

LỚP	THỨ 2					THỨ 3					THỨ 4					THỨ 5					THỨ 6					THỨ 7				
	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10	Tiết 1+2	Tiết 3+4	Tiết 5+6	Tiết 7+8	Tiết 9+10
K4GDTC1 (VLVH)	TTCS1 BĐ-KT					Thi Tiếng Anh TQ C201					Thi TTCS1 BĐ					Thi Giải phẫu C301														
K4GDTC2 (VLVH)																														
K4GDTC3 (VLVH)	Thi TTCS1 PIC+CL+BƠI					Thi Tiếng Anh TQ C102										Thi Giải phẫu C102														
19GDTC																														
Sinh viên lớp 19HLTT(VĐV) - Lớp 1 có số thứ tự từ 01 đến 30; 19HLTT(VĐV) - Lớp 2 có số thứ tự từ 31 (theo danh sách biên chế lớp tín chỉ HK2 năm học 2025-2026 của phòng ĐT&BĐCLGD)																														
19HLTT (VĐV) Lớp 1	CNHL2 (VT+BC+BĐ)					CNHL2 (VT+BC+BĐ)					CNHL2 (VT+BC+BĐ)					CNHL2 VT+BC+BĐ (KT)					CNHL2 VT+BC+BĐ (KT)					Thi TH CNHL2 VT+BĐ+BC				
19HLTT (VĐV) Lớp 2				Điền kinh 2-KT					Thi Điền kinh 2																					
K4HLTT (VĐV)																														
Sinh viên lớp 17/10A có số thứ tự từ 01 đến 30; lớp 17/10B có số thứ tự từ 31 (theo danh sách biên chế lớp tín chỉ HK2 năm học 2025-2026 của phòng ĐT&BĐCLGD)																														
17/10A	Thi LT TTCS7 ĐK-B301 VT-B302 BC-C301 BOI-C202	Thi LT VT-B101 QV-B102	TTCS5 ĐK+BC+VT+BƠI			Thi TH Võ thuật (VT)+Quần vợt (VQ)					TTCS5 ĐK+BC+VT+BƠI-KT					Thi TH TTCS5 ĐK+BC+VT+BƠI		Thi GYM-KT			Thi LT GYM B302									
17/10B								Thi GYM-KT																						
Sinh viên lớp 18/9A có số thứ tự từ 01 đến 34; lớp 18/9B có số thứ tự từ 35 (theo danh sách biên chế lớp tín chỉ HK2 năm học 2025-2026 của phòng ĐT&BĐCLGD)																														
18/9A	Bơi		Cầu lông		LT TTCS4 ĐK-A102 BOI-A103 BC-B201 VT-B202	LT Bơi B302 HỌC tiết 123		TTCS4 ĐK+BC+VT+BƠI-KT		LL&PP HLTT1 B201	Bơi-KT			LT TTCS4 ĐK-A102 BOI-A103 BC-B201 VT-B202 Học tiết 9	Thi Kinh tế chính trị 18/9 (ĐK+BOI) C202		Cầu lông		LL&PP HLTT1 B201-KT	Cầu lông-KT		Thi Giáo dục học ĐC 18/9 (ĐK+BOI) C202		Thi TTCS4 ĐK+BC+VT+BƠI				
18/9B			Cầu lông													Thi Kinh tế chính trị 18/9 (VT+BC) C201		Cầu lông			Cầu lông-KT		Thi Giáo dục học ĐC 18/9 (VT+BC) C201						